

Số: 370/QĐ-UBND

Ấn Thi, ngày 24 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nhiệm vụ, dự toán kinh phí dự án: Rà soát, định danh địa điểm, đánh số nhà, công trình xây dựng trên địa bàn xã Ấn Thi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN THI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 08/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 về quy định đánh số và gắn biển số nhà, công trình xây dựng; số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương;

Căn cứ Công văn số 3011/BCA-C06 ngày 08/7/2025 của Bộ Công an về việc rà soát và chuẩn hóa dữ liệu số nhà sau sắp xếp, gắn liền với dữ liệu đất đai, tọa độ thửa đất, tuyến đường, mã bưu chính;

Căn cứ Công văn số 9537/BXD-QLN ngày 07/9/2025 của Bộ Xây dựng về việc triển khai thực hiện đánh số và gắn biển số nhà, công trình xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: số 136/2025/QĐ-UBND ngày 13/10/2025 về việc Ban hành Quy định phân cấp, phân công nhiệm vụ trong hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 1398/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 về việc phê duyệt Danh mục nhiệm vụ thực hiện Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên năm 2026; số 2604/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 về việc bổ sung có mục tiêu năm 2026 cho các xã, phường để hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đánh số và gắn biển số nhà, công trình xây dựng;

Căn cứ các Công văn của UBND tỉnh Hưng Yên: số 1406/UBND-KT1 ngày 11/9/2025 về việc triển khai thực hiện đánh số và gắn biển số nhà, công trình xây dựng; số 2167/UBND-KGVX ngày 22/4/2026 về việc triển khai thực hiện đánh số, gắn biển số nhà, công trình xây dựng và cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

Căn cứ Công văn số 1430/SXD-QLN ngày 02/10/2025 của Sở Xây dựng về việc hướng dẫn Quy trình rà soát, chuẩn hóa dữ liệu số nhà sau sắp xếp, gắn liền với dữ liệu đất đai, tọa độ thửa đất, tuyến đường, mã bưu chính trên địa bàn;

Căn cứ các Kế hoạch của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên: số 13/KH-SXD ngày 11/9/2025 về việc rà soát và chuẩn hóa dữ liệu số nhà sau sắp xếp, gắn liền với dữ liệu

đất đai, tọa độ thửa đất, tuyến đường, mã bưu chính; số 36/KH-SXD ngày 29/4/2026 về việc triển khai thực hiện đánh số và gắn biển số nhà, công trình xây dựng;

Căn cứ Công văn số 2488/STC-QLNS ngày 14/5/2026 của Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên về việc hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí về đánh số và gắn biển số nhà;

Căn cứ Quyết định số 2604/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc bổ sung có mục tiêu năm 2026 cho các xã, phường để hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đánh số và gắn biển số nhà, công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2900/QĐ-UBND ngày 27/8/2026 của UBND xã Ân Thi về việc phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện dự án: Rà soát, định danh địa điểm, đánh số nhà, công trình xây dựng trên địa bàn xã Ân Thi;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 1344/TTr-KT ngày 22/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ, dự toán kinh phí dự án: Rà soát, định danh địa điểm, đánh số nhà, công trình xây dựng trên địa bàn xã Ân Thi với nội dung như sau:

1. Tên dự án: Rà soát, định danh địa điểm, đánh số nhà, công trình xây dựng trên địa bàn xã Ân Thi.

2. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn xã Ân Thi.

3. Thời gian thực hiện: Trong năm 2026.

4. Đơn vị thực hiện dự án (chủ đầu tư): Phòng Kinh tế xã Ân Thi.

5. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư quản lý, giám sát thực hiện dự án.

6. Mục tiêu:

- *Mục tiêu chung:*

Rà soát, định danh địa điểm, đánh số nhà, công trình xây dựng trên địa bàn xã Ân Thi.

- *Mục tiêu cụ thể:*

+ Điều tra, thu thập và tổng hợp thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ có liên quan.

+ Xác định các tuyến đường, phố đã được đặt tên, các tuyến đường chưa được đặt tên nhưng đủ điều kiện đặt tên theo quy định tại Nghị định số 91/2005/NĐ-CP và Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT làm cơ sở thống kê biển số nhà, ngõ, ngách;

+ Tổng hợp, thống kê hiện trạng, xác định điểm đầu, điểm cuối, ngõ ngách; thống kê số lượng biển số nhà.

+ Chuẩn hoá dữ liệu số nhà sau sắp xếp, gắn liền với dữ liệu đất đai, tọa độ thửa đất, tuyến đường, mã bưu chính.

+ Xây dựng sơ đồ đánh số nhà và báo cáo thuyết minh tổng hợp.

7. Trình tự, nội dung thực hiện:

7.1. Bước 1. Điều tra, thu thập tài liệu, số liệu, bản đồ

7.1.1. Thu thập tài liệu, số liệu, bản đồ

- Thu thập tài liệu, số liệu, bản đồ từ các cơ quan quản lý trên địa bàn;

- Tổng hợp thông tin, tài liệu và chuẩn bị điều tra.

7.1.2. Điều tra, khảo sát thực trạng giao thông, dân cư và các cơ quan quản lý trên địa bàn

- Điều tra, thu thập tài liệu ở các cơ quan quản lý trên địa bàn;
- Điều tra các tuyến đường, ngõ, ngách;
- Điều tra tại các thôn, tổ dân phố;
- Điều tra, thu thập thông tin về số nhà;
- Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu về căn cước công dân và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

7.2. Bước 2: Đánh giá khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và thực trạng mạng lưới giao thông trên địa bàn

7.2.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa bàn

- Khái quát lịch sử hình thành;
- Vị trí địa lý, các nguồn tài nguyên;
- Tình hình kinh tế - xã hội;

7.2.2. Đánh giá về mạng lưới giao thông và hiện đặt tên, đánh số nhà của các tuyến giao thông trên địa bàn

- Khái quát về mạng lưới giao thông;
- Hiện trạng đặt tên, đánh số nhà của các tuyến giao thông trên địa bàn.

7.3. Bước 3: Chuẩn hóa dữ liệu số nhà, gắn liền dữ liệu đất đai, tọa độ thửa đất, tên đường, mã bưu chính

7.3.1. Thống kê các tuyến đường, phố đã đặt tên và các tuyến đường đủ điều kiện đặt tên trên địa bàn, bao gồm các thông tin: Điểm đầu, điểm cuối, chiều dài (km), chiều rộng (m).

7.3.2. Thống kê ngõ, ngách của các tuyến đường, phố đã đặt tên và các tuyến đường đủ điều kiện đặt tên trên địa bàn, bao gồm các thông tin: Điểm đầu, điểm cuối, số lượng nhà bên trái, số lượng nhà bên phải;

7.3.3. Thống kê số nhà trên địa bàn theo từng tuyến đường, phố, ngõ, ngách bao gồm các thông tin: (1) Số nhà (thông tin chứng nhận số nhà); (2) tên đường, phố, ngõ, ngách; (3) tên chủ hộ; (4) số căn cước; (5) số giấy chứng nhận QSDĐ; (6) số tờ bản đồ địa chính, số thửa; (7) tọa độ thửa đất;

7.7. Bước 4: Xây dựng sơ đồ đường, phố, ngõ, ngách, số nhà và báo cáo thuyết minh

7.7.1. Xây dựng sơ đồ đường, phố, ngõ, ngách, số nhà

- Biên tập các trường thông tin về đường, phố, ngõ, ngách, số nhà lên bản đồ địa chính;

- Xây dựng sơ đồ đường, phố, ngõ, ngách, số nhà;

7.7.2. Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp

8. Sản phẩm của dự án bao gồm:

Sản phẩm của công việc Rà soát, định danh địa điểm, đánh số nhà, công trình xây dựng trên địa bàn xã Ân Thi bao gồm:

- Báo cáo thuyết minh: Rà soát, định danh địa điểm, đánh số nhà, công trình xây dựng trên địa bàn xã Ân Thi kèm theo các tài liệu:

+ Bảng thống kê các tuyến đường, phố đã đặt tên (nếu có) và các tuyến đường đủ điều kiện đặt tên trên địa bàn, bao gồm các thông tin: Điểm đầu, điểm cuối, chiều dài (km), chiều rộng (m);

+ Bảng thống kê ngõ, ngách của các tuyến đường, phố đã đặt tên và các tuyến đường đủ điều kiện đặt tên trên địa bàn, bao gồm các thông tin: Điểm đầu, điểm cuối, số lượng nhà bên trái, số lượng nhà bên phải;

+ Bảng tổng hợp đánh số nhà trên địa bàn theo từng tuyến đường, phố, ngõ, ngách bao gồm các thông tin: (1) Số nhà (thông tin chứng nhận số nhà); (2) tên đường, phố, ngõ, ngách; (3) tên chủ hộ; (4) số căn cước; (5) số giấy chứng nhận QSDĐ; (6) số tờ bản đồ địa chính, số thửa; (7) toạ độ thửa đất;

- Sơ đồ đường, phố, ngõ, ngách, số nhà (file số).

9. Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí Rà soát, định danh địa điểm, đánh số nhà, công trình xây dựng trên địa bàn xã Ân Thi: 728.165.486 đồng (*Bảy trăm hai mươi tám triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng*).

(Chi tiết theo Bảng Tổng hợp dự toán toán kinh phí)

Nguồn vốn: Từ nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh tại Quyết định số 2604/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh và nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, Phòng Kinh tế có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan, để triển khai thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Phòng Kinh tế xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND xã;
- Lưu: VP, KT.



Nguyễn Hùng Cường

BẢNG 01: TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ

Rà soát, định danh địa điểm, đánh số nhà, công trình xây dựng trên địa bàn xã Ân Thi

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND xã Ân Thi)

DVT: đồng

TT	Nội dung/ chi phí	Giá trị không bao gồm thuế GTGT	Thuế GTGT 8%	Tổng cộng
I	RÀ SOÁT, ĐỊNH DANH ĐỊA ĐIỂM, ĐÁNH SỐ NHÀ	675.160.635	53.004.851	728.165.486
1	Lập nhiệm vụ - dự toán (báo cáo kinh tế - kỹ thuật)	32.450.310	2.596.025	35.046.335
2	Rà soát, đánh số nhà phục vụ cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	589.265.000	47.141.200	636.406.200
3	Hội thảo	12.600.000		12.600.000
4	Quản lý dự án	18.172.174	1.453.774	19.625.947
5	Giám sát thi công	19.247.841	1.539.827	20.787.669
6	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	3.425.311	274.025	3.699.335

BẢNG 02: DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI TIẾT
Rà soát, định danh địa điểm, đánh số nhà, công trình xây dựng trên địa bàn xã Ân Thi
(Kèm theo QĐ số /QĐ-UBND ngày /2026 của UBND xã Ân Thi)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
*	Thông tin địa bàn					
-	Số lượng thôn/ tổ dân phố:		11			
-	Số hộ:		9.067			
-	Số lượng nhà, công trình xây dựng:		9.380			
I	LẬP BÁO CÁO NHIỆM VỤ, DỰ TOÁN, THẨM TRA DỰ TOÁN				35.046.335	
1	Lập nhiệm vụ - dự toán (báo cáo kinh tế - kỹ thuật)	%	5,4	649.006.200	35.046.335	TT số 38/2026/TT-BXD
II	RÀ SOÁT, ĐÁNH SỐ NHÀ PHỤC VỤ CẬP NHẬT THÔNG TIN VÀO CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ				636.406.200	
1	Điều tra, thu thập và tổng hợp thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ có liên quan				530.839.000	
1.1	Thu thập tài liệu, số liệu, bản đồ: 02 ngày	Ngày/người	2	1.153.000	2.306.000	TT số 7/2026/TT-BNV
1.2	Chi cho chuyên gia điều tra				356.736.000	
-	Lương chuyên gia điều tra, thu thập tài liệu ở các cơ quan quản lý cấp xã: 02 ngày/ cơ quan * 2 cơ quan	Ngày/người	4	1.153.000	4.612.000	
-	Lương chuyên gia điều tra các tuyến đường, ngõ, ngách: 5 người * 5 ngày	Ngày/người	25	1.153.000	28.825.000	TT số 7/2026/TT-BNV
-	Lương chuyên gia điều tra tại các cấp thôn: 02 ngày làm việc/ cấp thôn * 11 cấp thôn	Ngày/người	22	1.153.000	25.366.000	

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
-	Điều tra, thu thập thông tin về số nhà: 01 ngày làm việc/ 200 hồ sơ * 9380 hồ sơ	Ngày/người	47	1.153.000	54.191.000	
-	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu về căn cước công dân và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 01 ngày làm việc/ 100 hồ sơ * 9380 hồ sơ	Ngày/người	94	1.153.000	108.382.000	
-	Phụ cấp lưu trú cho Chuyên gia	Ngày/người	188	300.000	56.400.000	Nghị quyết số 779/2025/NQ-HĐND ngày 12/11/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên
-	Thuê phòng nghỉ cho Chuyên gia	Ngày/2người	94	500.000	47.000.000	
-	Thuê xe máy phục vụ điều tra	Ngày/xe	188	120.000	22.560.000	Theo thực tế
-	Hỗ trợ xăng xe điều tra (khoán)	Ngày/xe	188	50.000	9.400.000	
1.3	<i>Tổng hợp, thống kê hiện trạng, xác định điểm đầu, điểm cuối, ngõ ngách; thống kê số lượng biển số nhà: 05 ngày làm việc/ cấp thôn * 11 cấp thôn</i>	Ngày/người	55	1.153.000	63.415.000	TT số 7/2026/TT-BNV
1.4	<i>Chuẩn hoá dữ liệu số nhà sau sắp xếp, gắn liền với dữ liệu đất đai, tọa độ thửa đất, tuyến đường, mã bưu chính: 01 ngày làm việc/ 100 hồ sơ * 9380 hồ sơ</i>	Ngày/người	94	1.153.000	108.382.000	TT số 7/2026/TT-BNV
2	Xây dựng sơ đồ đánh số nhà và báo cáo thuyết minh tổng hợp				48.426.000	TT số 7/2026/TT-BNV
2.1	Xây dựng sơ đồ đánh số nhà trên địa bàn: 03 ngày làm việc/ cấp thôn * 11 cấp thôn	Ngày/người	33	1.153.000	38.049.000	
2.2	Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp: 3 người * 3 ngày	Ngày/người	9	1.153.000	10.377.000	
3	Văn phòng phẩm, in ấn		1	10.000.000	10.000.000	Theo thực tế
4	Thuế GTGT: (1+2+3)*8%				47.141.200	

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
III	TỔ CHỨC HỘI THẢO				12.600.000	TT số 40/2017/TT-BTC
-	Báo cáo chính	Người	1	300.000	300.000	
-	Báo cáo tham luận	Người	16	300.000	4.800.000	5 BC tham luận cấp xã + thôn
-	Photo, in tài liệu cho đại biểu xã: 20 người; các cấp thôn: 5 người/ cấp thôn	Bộ/người	75	50.000	3.750.000	Theo thực tế in tài liệu
-	Giải khát giữa giờ	Người	75	50.000	3.750.000	TT số 12/2025/TT-BTC
IV	CHI KHÁC				44.112.951	
1	Quản lý dự án	%	3,024		19.625.947	TT số 38/2026/TT-BXD
2	Giám sát thi công	%	3,203		20.787.669	TT số 38/2026/TT-BXD
3	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	%	0,57		3.699.335	NĐ số 193/2026/NĐ-CP
	Tổng cộng				72.165.486	